

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST
Ngày 31 – 5 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Thanh Loan.
2. Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Đức T, sinh năm 1949; địa chỉ: Số B, Đường C, Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Biện Công N, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 12-8-2022, có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị P, sinh năm 1993; địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26-4-2022, ông Dương Đức T cho chị Võ Thị P vay số tiền 200.000.000 đồng, giao hẹn khoảng 07 đến 10 ngày sau sẽ trả. Khi vay tiền giữa hai bên có lập Biên nhận đề ngày 26-4-2022, mục đích vay tiền là để chị P làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng. Tuy nhiên, sau đó chị P không vay được tiền tại các Ngân hàng nên trốn tránh đến nay không trả nợ cho ông T. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị P phải trả số nợ gốc 200.000.000 đồng

và tiền lãi 3%/tháng theo biên nhận ngày 26-4-2022. Do chị P đã đóng lãi được 02 tháng kể từ ngày vay cho đến ngày 26-6-2022, nên ông T yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ ngày 27-6-2022.

Ý kiến của bị đơn Võ Thị P:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ trả lãi và lãi suất, đồng ý khấu trừ số tiền lãi bị đơn đã trả vượt quá mức lãi suất quy định trong 02 tháng, từ ngày 26-4-2022 đến ngày 26-6-2023 vào nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Võ Thị P trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tiếp theo kể từ ngày 27-6-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn đang cư trú tại khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ trả lãi và lãi suất, đồng ý khấu trừ số tiền lãi bị đơn đã trả vượt quá mức lãi suất quy định trong 02 tháng, từ ngày 26-4-2022 đến ngày 26-6-2023 vào nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Võ Thị P trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tiếp theo kể từ ngày 27-6-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc đã vay 200.000.000 đồng: Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp bản gốc của Biên nhận ghi ngày 26-4-2022 (bút lục số 23), có nội dung thể hiện chị Võ Thị P vay của ông Dương Đức T số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay đáo hạn Ngân

hàng. Tại mục “Bên nhận tiền” thể hiện chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay của chị Võ Thị P. Từ khi Tòa án thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm thì bị đơn đều vắng mặt. Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án thông báo hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không phản đối hay có yêu cầu gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc đã vay 200.000.000 đồng theo Biên nhận vay tiền nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khai mức lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, chị P đã đóng lãi được 02 tháng (tương ứng số tiền 6.000.000 đồng/tháng). Tuy nhiên, số tiền lãi bị đơn đã đóng theo lời thừa nhận của nguyên đơn là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Do vậy, số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi, cụ thể:

- Ngày 26-5-2022, tiền lãi phải trả là $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} = 3.320.000 \text{ đồng}$. Chị P đã trả $200.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/\text{tháng} = 6.000.000 \text{ đồng}$, số tiền lãi trả dư 2.680.000 đồng được trừ vào nợ gốc nên nợ gốc còn lại tính đến ngày 26-5-2022 là 197.320.000 đồng.

- Ngày 26-6-2022, tiền lãi phải trả là $197.320.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} = 3.275.512 \text{ đồng}$. Chị P đã trả $200.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/\text{tháng} = 6.000.000 \text{ đồng}$, số tiền lãi trả dư 2.724.488 đồng được trừ vào nợ gốc nên nợ gốc còn lại tính đến ngày 26-6-2022 là 194.595.512 đồng.

[6] Đối với nghĩa vụ trả lãi tiếp theo kể từ ngày 27-6-2022: Theo nội dung biên nhận vay tiền giữa ông T và chị P thì có ghi mức lãi suất nhưng để trống không nêu mức lãi suất cụ thể, không có thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận việc vay tiền có thỏa thuận trả lãi 3%/tháng nhưng do sơ sót trong khi lập biên nhận nên các bên không ghi rõ mức lãi suất, ngoài ra các bên không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện có thuận khác về mức lãi suất. Do đó, HĐXX xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, thuộc trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp nên mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn, theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm (0,83%/tháng).

[7] Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên nợ gốc trong hạn tương ứng với thời gian còn lại chưa trả lãi từ ngày 27-6-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu áp dụng theo quy định của pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 466, 469 của Bộ luật Dân sự 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên được HĐXX chấp nhận. Theo đó, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = $194.595.512 \text{ đồng} \times$

0,83%/tháng x 11 tháng 17 ngày = 18.681.818 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 213.227.330 đồng.

[8] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5, Điều 9, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Đức T.

Buộc bị đơn Võ Thị P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Dương Đức T số tiền vay còn nợ tổng cộng là 213.227.330 đồng (hai trăm mười ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Võ Thị P chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.661.367 đồng (mười triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng).

- Nguyên đơn Dương Đức T không phải chịu án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm